CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2026/HIO/CBTT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO.
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 3/2026:

☒ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).

☐ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).

☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán …):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/10/2026 tại đường dẫn https://helioenergy.vn.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 3/2026;
- Công văn số 65/2026/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD Quý 3/2026.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Tuấn Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN **HELIO ENERGY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2026/CV-HIO *V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD Quý 3/2026*	*Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: ***Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;***
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

Căn cứ theo Thông tư 68/2024/TT-BTC ký ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng.

Công ty Cổ phần Helio Energy *(sau đây gọi là "Công ty")* có mã chứng khoán là HIO xin giải trình với Quý Ủy Ban, Quý Sở về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2025	Quý 3/2026	So sánh cùng kỳ	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	539.931.200	999.074.377	459.143.177	85,04%

Trong Quý 3 năm 2026, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 999.074.377 đồng, tương ứng tăng 85,04% so với cùng kỳ năm trước, do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng 143.187.255 đồng tương ứng tăng 4,65 % so với cùng kỳ năm 2025.

- Chi phí tài chính giảm 71.748.105 đồng tương ứng giảm 15,05% chủ yếu do hàng kỳ Công ty thanh toán một phần nợ gốc nên giúp chi phí lãi vay giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 138.728.175 đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 113.661.039 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong quý.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- *Như Kính gửi;*
- *Lưu VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

CHỦ TỊCH HĐQT

Phan Thành Đạt

HelioEnergy

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
www.helioenergy.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 3 NĂM 2026

(Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026)

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.624.065.491**	**7.924.504.091**
I. Tiền	**110**		**470.217.204**	**979.321.266**
1. Tiền	111	4	470.217.204	979.321.266
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.033.862.818**	**5.217.620.854**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.905.866.838	4.539.871.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.085.919.665	637.086.353
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		62.498.575	52.916.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6	(20.422.260)	(12.253.356)
III. Hàng tồn kho	**140**		**319.982.435**	**33.010.909**
1. Hàng tồn kho	141		319.982.435	33.010.909
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**800.003.034**	**1.694.551.062**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	8	800.003.034	1.694.551.062
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**464.522.198.502**	**257.563.743.014**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**740.000.000**	**740.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	740.000.000	740.000.000
II. Tài sản cố định	**220**	**12**	**29.404.086.317**	**32.377.593.588**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		29.404.086.317	32.377.593.588
- Nguyên giá	*222*		*53.228.167.528*	*53.073.074.935*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(23.824.081.211)*	*(20.695.481.347)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**13**	**1.469.413.783**	**1.588.555.441**
- Nguyên giá	*241*		*2.382.833.161*	*2.382.833.161*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		*(913.419.378)*	*(794.277.720)*
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**430.768.000.000**	**220.706.636.468**
1. Đầu tư vào công ty con	261	11	384.768.000.000	174.768.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10	46.000.000.000	46.000.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	(61.363.532)
V. Tài sản dài hạn khác	**270**		**2.140.698.402**	**2.150.957.517**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	8	2.086.912.052	2.047.027.705
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		53.786.350	103.929.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**470.146.263.993**	**265.488.247.105**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**24.970.667.664**	**31.069.243.344**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**14.470.667.664**	**15.389.243.344**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	250.212.967	1.736.956.155
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	15	409.432.314	948.734.515
3. Phải trả người lao động	315		273.600.000	1.027.067.747
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	1.957.376.810	1.796.436.726
5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		116.250.000	69.750.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	2.429.120.000	2.700.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	6.680.000.000	5.840.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.354.675.573	1.270.298.201
II. Nợ dài hạn	**330**		**10.500.000.000**	**15.680.000.000**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	10.500.000.000	15.680.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**445.175.596.329**	**234.419.003.761**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	420.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*420.000.000.000*	*210.000.000.000*
2. Thặng dư vốn	412		(508.500.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.684.096.329	24.419.003.761
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*23.334.626.389*	*9.748.875.624*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*420b*		*2.349.469.940*	*14.670.128.137*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**470.146.263.993**	**265.488.247.105**

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thanh Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**20**	**8.866.473.874**	**8.064.411.082**	**25.999.509.499**	**25.197.968.254**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**8.866.473.874**	**8.064.411.082**	**25.999.509.499**	**25.197.968.254**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	5.643.339.260	4.984.463.723	17.910.282.097	16.540.962.941
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**3.223.134.614**	**3.079.947.359**	**8.089.227.402**	**8.657.005.313**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	22		356.925	690.654	2.511.123.032	5.490.745
6.	Chi phí tài chính	23	23	404.988.446	476.736.551	1.140.679.216	943.920.006
	- Trong đó: Chi phí đi vay	24		*404.988.446*	462.745.874	*1.202.042.748*	*1.486.043.687*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.812.108.238	1.950.836.413	7.091.220.655	5.914.828.722
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26)**	**30**		**1.006.394.855**	**653.065.049**	**2.368.450.563**	**1.803.747.330**
9.	Thu nhập khác	31		341.613	529.300	742.393	38.513.014
10.	Chi phí khác	32		7.662.091	2.110	19.723.016	17.743.810
11.	**(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(7.320.478)**	**527.190**	**(18.980.623)**	**20.769.204**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**999.074.377**	**653.592.239**	**2.349.469.940**	**1.824.516.534**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	113.661.039	-	320.834.258
14.	**Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**999.074.377**	**539.931.200**	**2.349.469.940**	**1.503.682.276**

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thanh Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 3 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***2.349.469.940***	***1.824.516.534***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	3.247.741.522	3.244.077.621
	Các khoản dự phòng	03	(53.194.628)	(542.123.681)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.500.000.000)	(5.490.745)
	Chi phí lãi vay	06	1.202.042.748	1.486.043.687
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***4.246.059.582***	***6.007.023.416***
	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.175.589.132	(13.083.103.683)
	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(236.828.064)	2.853.639
	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	921.255.223	1.111.801.115
	Giảm/(tăng) chi phí chờ phân bổ	12	854.663.681	(1.058.630.460)
	Chi phí đi vay đã trả	14	(1.210.580.838)	(1.494.885.222)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(604.723.801)	(1.083.915.670)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(650.946.384)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***4.494.488.531***	***(9.598.856.865)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(155.092.593)	-
2.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(210.000.000.000)	-
3.	Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	-	5.490.745
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(210.155.092.593)***	***5.490.745***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	209.491.500.000	-
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.340.000.000)	(3.980.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***205.151.500.000***	***(3.980.000.000)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(509.104.062)**	**(13.573.366.120)**
	Tiền đầu năm/kỳ	**60**	**979.321.266**	**14.224.667.716**
	Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	**70**	**470.217.204**	**651.301.596**

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020, đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của công ty là 420.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Từ ngày 18/04/2026 Công ty thực hiện thay đổi mô hình tổ chức quản lý từ mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 sang mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ủy ban kiểm toán

Các thành viên Ủy ban kiểm toán đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Công ty có 26 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
26	Công ty cổ phần SD Trường Thành	59,32%	59,32%	Lâm Đồng	Sản xuất điện

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Theo đó, Công ty thực hiện chuyển đổi số dư đầu kỳ và áp dụng phương pháp điều chỉnh hồi tố đơn giản đối với số liệu so sánh năm trước.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo kỳ kế toán từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Giá bán điện được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi
Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	41.751.000	42.426.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	428.466.204	936.895.266
	470.217.204	**979.321.266**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng	1.503.806.950	2.868.031.369
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	*178.242.980*	*197.481.228*
Công ty Điện lực Lâm Đồng	*191.994.945*	*270.275.567*
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	*205.833.215*	*209.409.378*
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu	*181.101.570*	*145.323.608*
Phải thu từ các bên khác	746.634.240	2.045.541.588
Phải thu từ các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 26)	1.402.059.888	1.671.840.000
	2.905.866.838	**4.539.871.369**

6. NỢ XẤU

	Tại 30/09/2026			Tại 01/01/2026		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
SYS Energy Pte, LTD – Phải thu tiền bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	01 – 02 năm	40.844.520	(20.422.260)	6 tháng – 01 năm	40.844.520	(12.253.356)
Cộng		**40.844.520**	**(20.422.260)**		**40.844.520**	**(12.253.356)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số đầu năm	12.253.356	-
Trích lập dự phòng bổ sung	8.168.904	-
Số cuối kỳ	**20.422.260**	**-**

Lý do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Khoản phải thu quá hạn.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp LK	822.212.000	-
Công ty TNHH Phú Gia Construction	151.200.000	467.328.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	-	113.260.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	98.000.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	14.507.665	56.497.393
	1.085.919.665	**637.086.353**

8. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái, thuê văn phòng trả trước	507.028.856	758.639.459
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	292.974.178	935.911.603
	800.003.034	**1.694.551.062**
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	888.369.788	516.657.160
Chi phí sửa chữa thi công văn phòng	1.003.831.902	1.338.442.533
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	194.710.362	191.928.012
	2.086.912.052	**2.047.027.705**

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Các khoản đặt cọc	740.000.000	740.000.000
	740.000.000	**740.000.000**

10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	46.000.000.000	46.000.000.000
	46.000.000.000	**46.000.000.000**

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Tại 30/09/2026		Tại 01/01/2026	
		VND		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	-	10.095.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	-	10.100.000.000	(61.363.532)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	210.000.000.000	-	-	-
	384.768.000.000	**-**	**174.768.000.000**	**(61.363.532)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại thời điểm lập báo cáo do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	**229.077.040**	**18.598.727.600**	**102.201.818**	**5.666.822.582**	**28.476.245.895**	**53.073.074.935**
Tăng trong kỳ	-	-	155.092.593	-	-	155.092.593
Số dư cuối kỳ	**229.077.040**	**18.598.727.600**	**257.294.411**	**5.666.822.582**	**28.476.245.895**	**53.228.167.528**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	**76.541.604**	**8.220.192.626**	**84.160.805**	**2.801.588.517**	**9.512.997.795**	**20.695.481.347**
Khấu hao trong kỳ	11.453.850	1.233.481.023	29.214.352	430.638.354	1.423.812.285	3.128.599.864
Số dư cuối kỳ	**87.995.454**	**9.453.673.649**	**113.375.157**	**3.232.226.871**	**10.936.810.080**	**23.824.081.211**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	**152.535.436**	**10.378.534.974**	**18.041.013**	**2.865.234.065**	**18.963.248.100**	**32.377.593.588**
Tại ngày cuối kỳ	**141.081.586**	**9.145.053.951**	**143.919.254**	**2.434.595.711**	**17.539.435.815**	**29.404.086.317**

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	**2.382.833.161**
Số dư cuối kỳ	**2.382.833.161**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	**794.277.720**
Khấu hao trong kỳ	119.141.658
Số dư cuối kỳ	**913.419.378**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	**1.588.555.441**
Tại ngày cuối kỳ	**1.469.413.783**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026		Tại 01/01/2026	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	-	-	945.517.936	945.517.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	-	494.515.200	494.515.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	113.260.000	113.260.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	136.952.967	136.952.967	296.923.019	296.923.019
	250.212.967	**250.212.967**	**1.736.956.155**	**1.736.956.155**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/09/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	260.998.161	1.164.668.876	1.038.476.048	387.190.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp	604.723.801	-	604.723.801	-
Thuế thu nhập cá nhân	83.012.553	501.935.134	562.706.362	22.241.325
	948.734.515	**1.666.604.010**	**2.205.906.211**	**409.432.314**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.938.845.722	1.499.367.548
Chi phí lãi vay	8.531.088	17.069.178
Các khoản trích trước khác	10.000.000	280.000.000
	1.957.376.810	**1.796.436.726**

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 26)	1.029.440.000	2.700.000.000
Tạm ứng lợi nhuận	*200.000.000*	*2.700.000.000*
Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	*829.440.000*	-
Phải trả các đơn vị khác	1.399.680.000	-
	2.429.120.000	**2.700.000.000**

18. VAY

	Tại 01/01/2026		Trong kỳ		Phân loại theo lịch trả nợ		Tại 30/09/2026	
		VND		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.840.000.000	5.840.000.000	-	4.340.000.000	5.180.000.000	-	6.680.000.000	6.680.000.000
	5.840.000.000	**5.840.000.000**	**-**	**4.340.000.000**	**5.180.000.000**	**-**	**6.680.000.000**	**6.680.000.000**
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	15.680.000.000	15.680.000.000	-	-	-	5.180.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000
	15.680.000.000	**15.680.000.000**	**-**	**-**	**-**	**5.180.000.000**	**10.500.000.000**	**10.500.000.000**
Tổng cộng	**21.520.000.000**	**21.520.000.000**	**-**	**4.340.000.000**	**5.180.000.000**	**5.180.000.000**	**17.180.000.000**	**17.180.000.000**

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Tại 30/09/2026	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	14.560.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029	7,1% -8,9%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power - công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	2.620.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027	9,4%-10,1%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty
TỔNG CỘNG	**17.180.000.000**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	6.680.000.000			
Vay dài hạn	10.500.000.000			

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND		VND	VND
Số dư đầu năm nay	**210.000.000.000**	**-**	**24.419.003.761**	**234.419.003.761**
Tăng/(giảm) vốn trong năm	210.000.000.000	(508.500.000)	-	209.491.500.000
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	2.349.469.940	2.349.469.940
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	-	-	(1.084.377.372)	(1.084.377.372)
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	**420.000.000.000**	**(508.500.000)**	**25.684.096.329**	**445.175.596.329**

(i) Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2026.

Cổ phiếu	**Tại 30/09/2026**	**Tại 01/01/2026**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*42.000.000*	*21.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*42.000.000*	*21.000.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại 30/09/2026		**Tại 01/01/2026**	
	VND	**%**	**VND**	**%**
Công ty Cổ phần Helio Power	291.120.000.000	69,31%	145.560.000.000	69,31%
Các cổ đông khác	128.880.000.000	30,69%	64.440.000.000	30,69%
	420.000.000.000	**100%**	**210.000.000.000**	**100%**

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Doanh thu bán điện	2.395.873.110	2.197.059.202
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	6.424.100.764	5.820.851.880
Doanh thu cho thuê	46.500.000	46.500.000
	8.866.473.874	**8.064.411.082**
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	4.394.487.784	2.772.000.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Giá vốn bán điện	1.622.261.482	1.732.555.976
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	3.976.059.673	3.206.889.642
Giá vốn cho thuê	45.018.105	45.018.105
	5.643.339.260	**4.984.463.723**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Chi phí nhân viên	2.754.076.131	2.555.084.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.081.604.400	1.081.359.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.619.766.967	3.277.941.659
Chi phí khác bằng tiền	-	20.915.142
	7.455.447.498	**6.935.300.136**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Lãi tiền vay	404.988.446	462.745.874
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	13.990.677
	404.988.446	**476.736.551**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	709.730.077	614.533.250
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.007.379	8.516.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.101.370.782	1.323.401.531
Chi phí khác bằng tiền	-	4.384.815
	1.812.108.238	**1.950.836.413**

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	320.834.258
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	**320.834.258**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**2.349.469.940**	**1.824.516.534**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.500.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	91.723.016	62.743.810
Chuyển lỗ	-	-
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	-	-
Thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	**(58.807.044)**	**1.887.260.344**
Thuế suất	20%	17%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	-	**320.834.258**

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2026) Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2022) Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024) Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Uỷ Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm thành viên Uỷ Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Công ty con của Công ty từ ngày 16 tháng 3 năm 2026
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty cổ phần công nghệ EC	Bên liên quan khác

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	146.203.600	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	108.000.000	108.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	88.828.948	72.000.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	88.828.948	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	91.395.268	72.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	88.750.948	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	95.747.108	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	81.622.148	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	95.669.108	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	90.692.348	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	Không còn là bên liên quan	36.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	36.000.000	36.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	90.469.388	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	88.408.548	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	88.926.868	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	90.391.788	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	90.832.508	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	88.849.268	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	93.116.308	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	90.692.348	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	90.692.348	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	88.337.788	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	86.354.548	Chưa là bên liên quan

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty TNHH NDT Việt Nam	92.189.788	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	90.206.548	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	88.988.428	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	93.329.348	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	93.329.348	Chưa là bên liên quan
	4.394.487.784	**2.772.000.000**

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Apollo Power 4	54.219.888	51.840.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Omega Power 3	38.880.000	38.880.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Solar Việt	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH KCP Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	12.960.000	25.920.000

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)		
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
	1.402.059.888	**1.671.840.000**

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Apollo Power 4	-	400.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	-	300.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	-	500.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	-	500.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
	1.029.440.000	**2.700.000.000**

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Hội đồng Quản trị	**234.000.000**	**180.000.000**
Ông Phan Thành Đạt	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	18.000.000	45.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	45.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	27.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Trang	27.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	27.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**2.179.103.561**	**1.686.410.520**
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	872.376.335	654.324.633
Ông Bùi Tuấn Dương	813.234.810	612.755.350
Bà Lê Thị Trang	493.492.416	419.330.537
Ban Kiểm soát	**39.600.000**	**99.000.000**
Ông Trần Minh Đức	18.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	10.800.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	10.800.000	27.000.000

27. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành
- Lĩnh vực sản xuất điện
- Lĩnh vực cho thuê tài sản

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.718.275.095	18.141.734.404	139.500.000	25.999.509.499
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***7.718.275.095***	***18.141.734.404***	***139.500.000***	***25.999.509.499***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.529.686.078	5.555.095.639	4.445.685	8.089.227.402
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.091.220.655)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				998.006.747
Doanh thu hoạt động tài chính				2.511.123.032
Chi phí tài chính				(1.140.679.216)

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Thu nhập khác				742.393
Chi phí khác				(19.723.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***2.349.469.940***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	***155.092.593***	-	***155.092.593***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	***3.834.422.254***	***119.141.658***	**3.953.563.912**
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.178.637.974	17.876.330.280	143.000.000	25.197.968.254
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***7.178.637.974***	***17.876.330.280***	***143.000.000***	***25.197.968.254***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.338.236.731	6.310.822.897	7.945.685	8.657.005.313
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.914.828.722)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.742.176.591
Doanh thu hoạt động tài chính				5.490.745
Chi phí tài chính				(943.920.006)
Thu nhập khác				38.513.014
Chi phí khác				(17.743.810)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(320.834.258)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***1.503.682.276***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	***3.318.084.700***	***119.141.658***	**3.437.226.358**

27. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.199.683.868	418.589.942.898	1.469.413.783	423.259.040.549
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				46.887.223.444
Tổng tài sản				***470.146.263.993***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.281.225.722	96.297.180	116.250.000	4.493.772.902
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				20.476.894.762
Tổng nợ phải trả				***24.970.667.664***
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.342.214.585	212.185.239.325	1.588.555.441	218.116.009.351
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				47.372.237.754
Tổng tài sản				***265.488.247.105***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.021.882.748	114.041.302	356.819.178	2.492.743.228
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				28.576.500.116
Tổng nợ phải trả				***31.069.243.344***

28. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Người đại diện theo pháp luật đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Người đại diện theo pháp luật đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Ước tính dưới đây được Người đại diện theo pháp luật xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế, với thời gian khấu hao áp dụng cho từng nhóm tài sản được trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 13. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 55.611.000.689 VND, giá trị còn lại 30.873.500.100 VND.

Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính thời gian sử dụng hữu ích phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật, điều kiện vận hành, mức độ hao mòn của từng nhóm tài sản, mức điều chỉnh ước tính và thời điểm phát sinh thay đổi.

28. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG (tiếp theo)

Do các yếu tố này khác nhau giữa từng nhóm tài sản, Người đại diện theo pháp luật không có cơ sở phù hợp để áp dụng một giả định chung nhằm xác định một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ảnh hưởng cụ thể sẽ được xác định khi Công ty có đầy đủ căn cứ để điều chỉnh ước tính.

Việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của một nhóm tài sản sẽ làm thay đổi chi phí khấu hao của kỳ phát sinh thay đổi và các kỳ tương lai bị ảnh hưởng trong thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản đó. Thay đổi này (nếu có) sẽ được ghi nhận phi hồi tố theo quy định về thay đổi ước tính kế toán.

Người đại diện theo pháp luật đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản, ngoại trừ một số máy móc thiết bị chuyên dụng trong môi trường hoạt động khắc nghiệt có mức độ không chắc chắn cao hơn.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 19 tháng 10 năm 2026, Công ty nhận được Quyết định số 791/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, hiện tại Công ty đang thực hiện hoàn tất các thủ tục theo quy định.

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026